

**Email: lethai.tdh@gmail.com**

**Báo giá sơ bộ hệ thống thu thoát rác bằng inox, vật liệu SUS 304, dày 1,2mm như sau**

| TT | Tên thiết bị                                            | Đơn vị | Xuất xứ  | Số lượng | Vật tư(VNĐ) |                |
|----|---------------------------------------------------------|--------|----------|----------|-------------|----------------|
|    |                                                         |        |          |          | Đơn giá     | Giá trước thuế |
| 1  | Rubbish door / Cửa đổ rác<br>Metal throat / Máng đổ rác | Bộ     | Việt Nam | 13       | 3,200,000   | 41,600,000     |
| 2  | Reduction cap / Đầu chụp thu                            | Chiếc  | Việt Nam | 1        | 500,000     | 500,000        |
| 3  | Inclined roller door / Cửa xả rác                       | Bộ     | Việt Nam | 1        | 1,400,000   | 1,400,000      |
| 4  | Counter weights / Đồi trọng                             | Quả    | Việt Nam | 1        | 1,500,000   | 1,500,000      |
| 5  | Pulleys Dring+Puly / Vòng đệm+Puli                      | Chiếc  | Việt Nam | 1        | 1,000,000   | 1,000,000      |
| 6  | Sanifan / Quạt hút                                      | Chiếc  | Việt Nam | 1        | 3,500,000   | 3,500,000      |
| 7  | Epoxy / Keo chuyên dụng                                 | Hộp    | Việt Nam | 4        | 500,000     | 2,000,000      |
| 8  | Pipes 500, 1,2mm, SUS 304 / Ống đổ rác                  | Ống    | Việt Nam | 48       | 3,200,000   | 153,600,000    |
| 9  | Pipes 225, l=2m / Ống thoát khí                         | Ống    | Việt Nam | 4        | 1,900,000   | 7,600,000      |
| 10 | Support collar / Đai đỡ ống đổ rác                      | Chiếc  | Việt Nam | 13       | 300,000     | 3,900,000      |
| 11 | Vent brackets / Đai đỡ ống thoát khí                    | Chiếc  | Việt Nam | 4        | 200,000     | 800,000        |
| 12 | Giá đỡ ống đổ rác                                       | Bộ     | Việt Nam | 13       | 500,000     | 6,500,000      |
| 13 | Hệ thống nước rửa đường ống                             | Bộ     | Việt Nam | 1        | 4,000,000   | 4,000,000      |
| 14 | Vật liệu phụ                                            | Lô     |          | 1        |             |                |

| TT | Tên thiết bị                   | Đơn vị | Xuất xứ | Số lượng | Vật tư(VNĐ) |                    |
|----|--------------------------------|--------|---------|----------|-------------|--------------------|
|    |                                |        |         |          | Đơn giá     | Giá trước thuế     |
| 15 | Chi phí nhân công              |        |         |          |             |                    |
| 16 | <b>Tổng giá trị trước thuế</b> |        |         |          |             | <b>227,900,000</b> |
| 17 | <b>Thuế VAT( 10%)</b>          |        |         |          |             | <b>22,790,000</b>  |
| 18 | <b>Tổng giá trị sau thuế</b>   |        |         |          |             | <b>250,690,000</b> |
| 19 | <b>Bảng chữ:</b>               |        |         |          |             |                    |

**ĐẠI DIỆN BAN QL**

**ĐẠI DIỆN TVGS**

**ĐẠI DIỆN THI CÔNG**

**CÔNG TY TNHH TÂN ĐẠI HUNG**

**Địa chỉ : 38, Đại Từ , Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội**

**Điện thoại : 0917868000**

**Email: lethai.tdh@gmail.com**

## **BẢNG BÁO GIÁ**

**Kính gửi : A**

**Điện thoại**

**Căn cứ vào nhu cầu lắp đặt Hệ thống thoát rác , Công ty TNHH Tân Đại Hưng trân trọng gửi tới anh ( chị )**

**Báo giá sơ bộ hệ thống thu thoát rác bằng inox, vật liệu SUS 201, dày 1,2mm như sau**

| TT | Tên thiết bị | Đơn vị | Xuất xứ | Số lượng | Vật tư(VNĐ) |                |
|----|--------------|--------|---------|----------|-------------|----------------|
|    |              |        |         |          | Đơn giá     | Giá trước thuế |

| TT | Tên thiết bị                                            | Đơn vị | Xuất xứ  | Số lượng | Vật tư(VNĐ) |                    |
|----|---------------------------------------------------------|--------|----------|----------|-------------|--------------------|
|    |                                                         |        |          |          | Đơn giá     | Giá trước thuế     |
| 1  | Rubbish door / Cửa đổ rác<br>Metal throat / Máng đổ rác | Bộ     | Việt Nam | 13       | 3,200,000   | 41,600,000         |
| 2  | Reduction cap / Đầu chụp thu                            | Chiếc  | Việt Nam | 1        | 400,000     | 400,000            |
| 3  | Inclined roller door / Cửa xả rác                       | Bộ     | Việt Nam | 1        | 1,400,000   | 1,400,000          |
| 4  | Counter weights / Đồi trọng                             | Quả    | Việt Nam | 1        | 1,300,000   | 1,300,000          |
| 5  | Pulleys Dring+Puly / Vòng đệm+Puli                      | Chiếc  | Việt Nam | 1        | 1,000,000   | 1,000,000          |
| 6  | Sanifan / Quạt hút                                      | Chiếc  | Việt Nam | 1        | 3,500,000   | 3,500,000          |
| 7  | Epoxy / Keo chuyên dụng                                 | Hộp    |          | 4        | 200,000     | 800,000            |
| 8  | Pipes 500, 1,2mm, SUS 304 / Ống đổ rác                  | Ống    | Việt Nam | 48       | 3,200,000   | 153,600,000        |
| 9  | Pipes 225, l=2m / Ống thoát khí                         | Ống    | Việt Nam | 4        | 1,900,000   | 7,600,000          |
| 10 | Support collar / Đai đỡ ống đổ rác                      | Chiếc  | Việt Nam | 13       | 300,000     | 3,900,000          |
| 11 | Vent brackets / Đai đỡ ống thoát khí                    | Chiếc  | Việt Nam | 4        | 200,000     | 800,000            |
| 12 | Giá đỡ ống đổ rác                                       | Bộ     | Việt Nam | 13       | 400,000     | 5,200,000          |
| 13 | Hệ thống nước rửa đường ống                             | Bộ     | Việt Nam | 1        | 4,000,000   | 4,000,000          |
| 14 | Vật liệu phụ                                            | Lô     |          | 1        |             |                    |
| 15 | Chi phí nhân công                                       |        |          |          |             |                    |
| 16 | <b>Tổng giá trị trước thuế</b>                          |        |          |          |             | <b>225,100,000</b> |
| 17 | <b>Thuế VAT( 10%)</b>                                   |        |          |          |             | <b>22,510,000</b>  |
| 18 | <b>Tổng giá trị sau thuế</b>                            |        |          |          |             | <b>247,610,000</b> |
| 19 | <b>Bảng chữ:</b>                                        |        |          |          |             |                    |

**ĐẠI DIỆN BAN QL**

**ĐẠI DIỆN TVGS**

**ĐẠI DIỆN THI CÔNG**











